

Một số kĩ năng dạy học đọc, viết cho học sinh rối loạn học tập đặc thù

Phạm Minh Mục

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Email: mucpm@vnies.edu.vn

TÓM TẮT: *Nhiều nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã chỉ ra rằng, luôn có một bộ phận học sinh có rối loạn trong quá trình học đọc, viết và tính toán. Những khó khăn của học sinh này gặp phải không do nguyên nhân của các dạng khuyết tật như khuyết tật trí tuệ, khiếm thị, khiếm thính hoặc do các ảnh hưởng của môi trường sống và học tập. Đây là những học sinh có “rối loạn học tập đặc thù”. Nguyên nhân những khó khăn của trẻ do: Quá trình tâm lí liên quan tới việc sử dụng ngôn ngữ, chấn thương não, suy giảm chức năng của não ở mức tối thiểu, hoặc sự “lệch pha” trong quá trình tiếp nhận và xử lí thông tin. Với những học sinh này, nếu không các sự hỗ trợ phù hợp các em sẽ luôn gặp nhiều khó khăn trong học tập, thậm chí có thể “tụt hậu” từ 6 tháng đến vài năm so các bạn cùng trang lứa. Vì vậy, các nhà giáo dục cần phải hiểu những khó khăn gặp phải của trẻ và cần phải có các phương pháp, kĩ năng dạy học đặc thù mới có thể hỗ trợ học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

TỪ KHÓA: Rối loạn học tập đặc thù, kĩ năng dạy học đọc, viết đặc thù.

→ Nhận bài 05/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 → Duyệt đăng 05/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Bất kì cộng đồng nào cũng có khoảng 10 - 15% học sinh (HS) có khó khăn trong học tập. Nguyên nhân gây ra khó khăn có thể đến từ những tác động bên ngoài (môi trường giáo dục, điều kiện kinh tế, hoàn cảnh địa lí, sự khác biệt ngôn ngữ...), có thể xuất phát từ bên trong là chính bản thân HS như: khuyết tật giác quan, khuyết tật trí tuệ, khiếm khuyết về thể chất, ... đặc biệt có một nhóm đối tượng HS không có biểu hiện của những nhóm trên nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong học tập. Đây là nhóm HS được cho là có “rối loạn học tập đặc thù”.

Theo *Sổ tay chẩn đoán khuyết tật* của Tổ chức Y tế Thế giới (DSM -5, WHO, tháng 3 năm 2015 và nhiều các công trình nghiên cứu gần đây trên thế giới cũng như Việt Nam đã chứng minh sự tồn tại của một bộ phận HS “đặc biệt”. Đây là nhóm đối tượng HS có “rối loạn học tập đặc thù” (RLHTĐT) (Specific learning disorder). Những HS này có khó khăn đặc trưng trong các lĩnh vực như đọc, viết và tính toán. Đồng thời, các nghiên cứu cũng khẳng định: Muốn HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, cần đánh giá được những khó khăn đặc thù của các em và phải có biện pháp kĩ năng dạy học đọc, viết phù hợp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận về rối loạn học tập đặc thù

2.1.1. Nghiên cứu về học sinh rối loạn học tập đặc thù

“RLHTĐT” là một dạng rối loạn nào đó tại một hay nhiều hơn trong các quá trình tâm lí liên quan tới việc sử dụng ngôn ngữ nói hoặc viết, từ đó dẫn tới những

bất cập trong khả năng khác như nghe, tư duy, nói, đọc, viết, đánh vần hoặc làm một phép tính. “RLHTĐT” có thể có nguyên nhân bao hàm các khiếm khuyết nhận thức, chấn thương não, suy giảm chức năng của não ở mức tối thiểu, suy giảm khả năng đọc, viết và có thể cả chúng mất ngôn ngữ phát triển.

Theo *Sổ tay chẩn đoán khuyết tật DSM – 5* (tháng 3 năm 2015), rối loạn học tập đặc thù được hiểu là: “*Những khó khăn và sử dụng các kĩ năng học tập được thể hiện qua ít nhất 1 triệu chứng dưới đây, kéo dài ít nhất 6 tháng mặc dù đã có những can thiệp nhằm vào những khó khăn đó: Đọc từ một cách khó khăn, chậm, không chuẩn xác; Khó khăn trong việc hiểu những gì đã đọc; Khó khăn trong việc đánh vần; Khó khăn trong việc biểu thị bằng cách viết; Khó khăn trong việc làm chủ số lượng câu, số lượng ý hoặc tính toán; Khó khăn trong suy luận toán học*”.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, những khó khăn đọc, viết đặc thù này không bao hàm các dạng khuyết tật khác như khiếm thị, khiếm thính, khuyết tật trí tuệ hay rối loạn cảm xúc... Như vậy, với đối tượng RLHTĐT, có những tiêu chí cơ bản sau: 1/ HS thường gặp phải vấn đề khi đọc, viết, đánh vần, tổ chức suy nghĩ hoặc tư duy ngôn ngữ; 2/ HS có sự mất cân đối giữa khả năng và kết quả học tập (có biểu hiện về sự mất cân đối nghiêm trọng giữa khả năng tư duy và kết quả học tại trường - được gọi là mất cân đối giữa kết quả và khả năng); 3/ Yếu tố loại trừ: HS không thuộc “nhóm” khiếm thính hay khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, khuyết tật vận động, rối loạn cảm xúc hoặc những yếu tố môi trường; 4/ HS có những rối loạn về mặt tâm lí thần kinh

(các dạng khó khăn về đọc, viết đặc thù cơ bản là kết quả của một loại rối loạn tâm lý thần kinh nào đó).

Mặc dù nhận được sự chăm sóc giáo dục như các HS khác nhưng HS RLHTĐT vẫn gặp phải những khó khăn đặc trưng sau:

- Có biểu hiện chênh lệch giữa trí thông minh thực tế (kĩ năng sống) và trí thông minh học tập (kết quả học tập tại trường). Các em không gặp khó khăn lớn trong các mối quan hệ với bạn bè, thầy cô hay giải quyết những tình huống nhiệm vụ trong cuộc sống hàng ngày, nhưng kết quả học tập rất thấp.

- Khó khăn khi đánh vần, đọc, viết tiếng Việt (nhưng không phải là HS khuyết tật ngôn ngữ), hoặc thực hiện các phép tính toán. Kết quả học tập về môn Toán hoặc môn Tiếng Việt thấp hơn hẳn so với các bạn cùng lớp từ một đến vài năm.

- Học kém không phải do lười biếng hay bị các khuyết tật khác như khiếm thính; khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, khuyết tật vận động; mắc các rối loạn cảm xúc hoặc ít có cơ hội học tập.

- Kết quả học tập kém không phải do thiếu tự tin, ít hứng thú và chú ý tới các hoạt động học tập.

Theo nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới, nguyên nhân dẫn đến khuyết tật học tập là do một số trung khu thần kinh bị tổn thương về chức năng, không liên quan đến các khuyết tật khác như khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật ngôn ngữ, khuyết tật trí tuệ không có vấn đề về tâm lý tình cảm và các nguyên nhân mang tính môi trường.

2.1.2. Một số đặc điểm học sinh rối loạn học tập đặc thù

Mỗi HS RLHTĐT đều có một đặc điểm riêng. Có thể HS bị hạn chế trong lĩnh vực này nhưng lại có khả năng ở lĩnh vực khác. Khi các đặc điểm đó tác động qua lại với nhau sẽ tạo nên những nét nhân cách riêng của từng HS.

Khả năng ghi nhớ: Dựa trên đặc điểm của trí nhớ mà người ta dễ dàng phân biệt được HS RLHTĐT với những HS bình thường ở trong trường học. Các HS RLHTĐT thường khó nhớ được các thông tin qua kênh thị giác và thính giác. HS RLHTĐT thường hay có những biểu hiện rối loạn trí nhớ. Trí nhớ của HS RLHTĐT thường có những đặc điểm sau:

- Không chủ động sử dụng được những thủ thuật ghi nhớ mà những HS bình thường hay sử dụng.

- Khiếm khuyết liên quan tới bộ nhớ ngôn ngữ ảnh hưởng tới khả năng giải mã, xếp loại và gọi lại thông tin trước đó đã được truyền tải. HS thường gặp khó khăn trong việc ghi nhớ các sự kiện, không thể nhớ được đầy đủ các thông tin nếu các thông tin đó được cung cấp chỉ bằng một kênh là ngôn ngữ nói. Việc xử lý âm thanh chậm hơn không cho phép các HS RLHTĐT có đủ thời gian để nạp những thông tin đó vào bộ nhớ ngắn hạn. Do đó, hầu hết những gì vừa được trình bày sẽ bị mất đi

mà không được lưu giữ trong bộ nhớ ngắn hạn, do đó không truyền tới bộ nhớ dài hạn.

Khả năng tập trung: Hoạt động học tập đòi hỏi mỗi HS vừa phải cố gắng duy trì sự tham gia, nỗ lực hoàn thành một lượng bài tập nhất định vừa phải di chuyển sự tập trung, chú ý từ đối tượng này sang một đối tượng khác khi được yêu cầu. Trong khi đó, HS RLHTĐT thường bị chi phối nhiều bởi các kích thích của tác nhân cũ nên rất khó chuyển hướng sự chú ý của mình đến kích thích mới. Sức bền chú ý của các em kém nên HS chỉ tập trung được trong thời gian ngắn, lơ đãng hay bị chi phối với tất cả những hoạt động ở xung quanh... Nhiều HS quá hiếu động, luôn thực hiện những hành vi không mục đích (sờ ngón tay ngón chân, hỏi liên tiếp cùng một câu hỏi, không thể đứng hoặc ngồi yên). Đây cũng là nguyên nhân chính khiến các HS RLHTĐT khó thích nghi được với môi trường lớp học ở cấp Tiểu học.

Đặc điểm về xã hội và cảm xúc: HS RLHTĐT thường có tâm lý không ổn định từ cấp độ nhẹ tới nghiêm trọng. Hầu hết HS RLHTĐT không đạt được mức độ thích nghi tâm lý. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, không có một đặc điểm hay công thức chung nào cho các biểu hiện về tính cách, sự thích nghi về mặt tâm lý, năng lực xã hội, khả năng tự hiểu mình hoặc các chỉ số thể hiện chức năng tâm lý xã hội khác ở HS khuyết tật học tập.

Nhiều nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng: Khoảng 70% HS RLHTĐT tự đánh giá mình thấp trong nhận thức và học tập. Trong khi đó, hầu hết các HS RLHTĐT lại có trí tuệ bình thường. Các giáo viên (GV) đều cho rằng, những khó khăn trong học tập của các HS không phải do thiếu nỗ lực hay trí tuệ. Vì thế, xác định sớm và can thiệp kịp thời về tâm lý và giáo dục cho trẻ RLHTĐT có thể hạn chế tới đa những khiếm khuyết mang tính xã hội.

Một số HS RLHTĐT khi gặp thất bại trong việc học tập lại xuất hiện hành vi gây gổ và mang tâm lý tự ti. Khoảng 30% tổng số HS RLHTĐT cấp Tiểu học có biểu hiện rối loạn về hành vi.

Những vấn đề học tập: Tất cả các HS RLHTĐT đều có vấn đề về học vấn ở mức độ nhiều hay ít. HS có thể học kém ở một số môn hoặc ở tất cả các môn học. HS đặc biệt khó khăn trong việc thể hiện các kĩ năng cơ bản như: đọc, viết, làm toán và suy luận toán học.

- Hầu hết những HS RLHTĐT thường có kết quả học tập rất kém, đặc biệt là điểm số thường rất thấp trong các môn tập đọc, chính tả, tập làm văn và làm toán.

- Các kĩ năng cơ bản ở những HS này ngày càng bị mai một đi, nhất là vào những năm cuối cấp nếu không được học tập và hỗ trợ trong một môi trường phù hợp.

- Phần lớn HS RLHTĐT thường không có khả năng học các môn học sử dụng nhiều đến những kĩ năng đọc, viết và tính toán. HS thường học rất kém trong việc trả

lời vấn đáp, ghi chép, nghe hiểu, đọc lướt, phát hiện và chữa lỗi sai.

Khả năng đọc: Có thể xem đọc là kỹ năng học đường cơ bản và quan trọng nhất trong các kỹ năng học tập. Nếu một HS đọc kém thì em đó khó có thể được xếp loại học lực trung bình. Theo những nghiên cứu tại nhiều nước trên thế giới, cứ 100 HS RLHTĐT thì có tới hơn 80 em được xác định là đọc kém. Những dấu hiệu đọc kém ở HS thường xuất hiện từ rất sớm (trước 5 tuổi). Nhưng đến tuổi tiểu học mới xác định được đúng mức độ đọc kém của em đó: từ khó đọc đến mù đọc. Biểu hiện rõ nét là HS gặp rất nhiều khó khăn khi học đọc, trong khi đã nhận được sự hướng dẫn như tất cả các bạn. HS thường gặp khó khăn và nhầm lẫn trong việc phân tích các âm và vần, nhầm lẫn các chữ cái đối xứng nhau; đọc chậm và sai đáng kể so với bạn cùng học. Tuy nhiên, nhiều em lại có khả năng trong việc giải quyết những vấn đề về hình ảnh, không gian và không mang tính lời nói.

Khả năng viết: Viết là một hoạt động phức tạp đòi hỏi phải có sự phối, kết hợp nhiều cơ quan để thực hiện một chuỗi các kỹ năng khác nhau. Vì thế, có thể có rất nhiều yếu tố gây khó khăn trong quá trình viết: các vấn đề về tâm vận động, vấn đề về thị giác; thính giác; về trí nhớ hình ảnh, GV hướng dẫn sơ sài hoặc HS không thấy hứng thú trong việc học viết chữ.

Thực tế dạy học cho thấy, nhiều HS RLHTĐT rất yếu trong kỹ năng viết chữ. HS gặp khó khăn trong việc viết, chữ xấu, thiếu khả năng thực hiện những thao tác di chuyển linh hoạt trong hành động viết. HS thể hiện sự yếu kém trong lập dàn bài, sử dụng các loại từ rất hạn chế, viết câu và đoạn văn không đúng hoặc thiếu logic. Các em có các biểu hiện cụ thể sau đây:

- Kém hơn hẳn so với các bạn cùng lớp về: tốc độ viết, cách trình bày bài viết, mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi sử dụng các dấu chấm câu và các quy tắc ngữ pháp.

- Rất hạn chế trong việc hoàn thành các bài tập làm văn: HS khuyết tật học tập thường sử dụng rất ít từ ngữ, từ ngữ không linh hoạt, không biết vận dụng các thủ thuật để diễn đạt bài tập làm văn hiệu quả.

2.1.3. Phát hiện và đánh giá trẻ khuyết tật học tập

Việc phát hiện sớm các trẻ RLHTĐT là rất quan trọng. Các GV nên tiến hành các bước sau đối với lớp học mới và tối thiểu từ 1-2 lần trong năm học.

a. Thu thập thông tin nhằm phát hiện HS RLHTĐT

Thu thập thông tin về trẻ là việc rất quan trọng nên phải thực hiện thường xuyên. Tìm những dấu hiệu của những rối loạn trong học tập sau đây:

- Thường xuyên muộn học hay vắng mặt.
- Chậm bắt nhịp với việc học và không có tính tổ chức.

- Chậm hoàn thành các công việc được giao, công việc thường không được hoàn thành hoặc được hoàn thành nhưng còn mắc nhiều lỗi.

- Công việc và kết quả học tập trên lớp của trẻ thấp hơn đáng kể so với mức các trẻ khác đạt được.

- Tính rụt rè, xấu hổ hoặc tính hiếu động, hành vi gây rối.

- Miễn cưỡng khi hỏi hoặc trả lời câu hỏi.

- Giọng nói lí nhí hoặc chỉ nói một vài từ.

- Không tự nguyện tham gia hoặc sợ công việc ở trường.

- Thường xuyên nói câu “Em không biết” hoặc “Em không nhớ” hơn là dám mắc lỗi.

- Gặp khó khăn trong việc hòa đồng.

Theo dõi mỗi trẻ có những biểu hiện gặp khó khăn trong học tập để xem liệu có thể xác định được nguyên nhân.

b. Đánh giá các khó khăn về đọc

Một trong những cách đánh giá đơn giản và hiệu quả nhất đối với những HS gặp khó khăn về đọc là sử dụng chiến lược “ghi lỗi tốc kí”. Sử dụng một tài liệu phù hợp để kiểm tra khả năng đọc của HS và chữa lỗi cho HS trong quá trình trẻ thực hiện, GV ghi chép nhanh đầy đủ các thông tin về việc trẻ thực hiện nhiệm vụ: những lỗi mắc phải, khả năng sửa lỗi, độ hiểu... Quy trình này bao gồm:

- Giao cho trẻ một đoạn văn mà các trẻ khác cùng tuổi có thể đọc được dễ dàng. Chia đoạn văn này thành các đoạn riêng biệt, cả đoạn văn gồm 100 - 300 từ (tùy thuộc trẻ đang học ở lớp nào).

- Dành thời gian nghe kĩ trẻ đọc từng đoạn. Thời gian đọc từng đoạn phù hợp là 3 - 5 phút do đó trẻ đọc thành các lần để hoàn thành đoạn văn gồm 100-300 từ này.

- Trong từng lần đọc, để trẻ đọc to. Nếu trẻ mắc lỗi đọc một từ hoặc một câu thì hãy nói: “Chưa chính xác, em hãy cố gắng đọc lại”. Nếu trẻ vẫn mắc lỗi, chỉ cho trẻ cách đọc đúng và yêu cầu trẻ đọc lại cho đến khi đọc đúng.

- Hỏi trẻ một vài câu đơn giản về ý nghĩa của các câu trong đoạn văn và của cả đoạn để kiểm tra khả năng hiểu của trẻ.

- Trong mỗi lần đọc, ghi chép lại lỗi mà trẻ mắc phải và số lượng từ mà trẻ đọc được trong một phút. Kết thúc mỗi lần đọc, xem xét các lỗi trẻ mắc phải và suy nghĩ về các khả năng sau: Trẻ có thể nhìn thấy tất cả các từ để đọc không? Có những chữ cái đặc biệt, dấu thanh và những từ mà trẻ không hiểu không? Trẻ có hiểu những gì trẻ đọc không? Trẻ có dành nhiều thời gian để tìm hiểu các từ mà trẻ không biết để hiểu những gì trẻ đang đọc không? Trẻ có nghĩ về những gì trẻ đọc không hay chỉ cố gắng đọc đúng các âm?

Nếu trong một phút, số lượng từ trẻ đọc chính xác thấp hơn 70% tổng số từ hoặc đọc chậm hơn 20 từ thì

điều này chứng tỏ đoạn văn lựa chọn quá khó đối với trẻ. Trong trường hợp này, cần lựa chọn đoạn đọc khác dễ hơn cho trẻ.

Đối với HS lớn tuổi hơn và có năng lực tốt hơn, một chiến lược tương tự như chiến lược trên cũng rất hữu ích. Lựa chọn một đoạn đọc gồm từ 300 - 500 từ mà bạn cho rằng trẻ có thể đọc được. Một số đoạn cần có tính quy tắc, ví dụ, một loạt các chỉ dẫn một số đoạn cần có tính mô tả, ví dụ thông tin từ một quyển bách khoa toàn thư. Dành 5 phút cho mỗi lần nghe HS đọc từng đoạn nhưng thỉnh thoảng cho trẻ dừng đọc (sau 1 phút) và hỏi trẻ một số câu đơn giản để kiểm tra xem trẻ có hiểu nội dung trẻ đang đọc không. Nếu trẻ hiểu sai, hỏi trẻ tại sao trẻ cho rằng đoạn văn có ý nghĩa như vậy. Mục đích là tìm ra những khía cạnh của đoạn đọc mà trẻ hiểu sai, ví dụ, trẻ vẫn cần phải học gì?

Sử dụng chiến lược “ghi lỗi tốc kí” để phát hiện chính xác những khó khăn về đọc mà trẻ cần được hỗ trợ cũng như các bước cần tiến hành để hỗ trợ trẻ.

Những dấu hiệu của trẻ khó khăn về đọc:

Với trẻ bắt đầu vào lớp 1:

- Khi quan sát tranh, trẻ thường ít chú ý đến các chi tiết, nội dung.
- Khi được nghe kể chuyện, trẻ gặp khó khăn trong việc nhớ nội dung, diễn biến và các chi tiết của câu chuyện.
- Trẻ thường có vấn đề về giao tiếp như: nói không rõ, bỏ phụ âm cuối, phát âm sai, ngắt nghỉ không đúng chỗ, ngữ điệu không phù hợp; không gọi đúng tên của những vật thông dụng, chậm nhớ thông tin.
- Trẻ tiếp thu chậm các biểu tượng và chữ cái.

Với HS ở các lớp trên: Ba tiêu chí quan trọng nhất trong đánh giá kĩ năng đọc bao gồm: 1/ Tốc độ đọc thành tiếng; 2/ Số lỗi đọc sai; 3/ Khả năng hiểu văn bản. Thông thường, một trẻ được xác định là có khó khăn về đọc khi tốc độ đọc thành tiếng thấp hơn hẳn so với chuẩn tối thiểu (lớp trẻ đang theo học), số lỗi đọc sai nhiều và khả năng hiểu văn bản vừa đọc hạn chế. Trong đó, chuẩn tốc độ đọc thành tiếng: Lớp 1: 30 tiếng/phút; lớp 2: 50 tiếng/phút; lớp 3: 70 tiếng/phút; lớp 4: 90 tiếng/phút; lớp 5: 100 tiếng/phút.

- Không đọc được (mù đọc).
- Đọc vẹt (bắt chước lại một cách máy móc cách đọc bài của cô và bạn mà không nhìn vào chữ).
- Đọc được nhưng có những hạn chế sau: 1/ Tốc độ đọc chậm hơn hẳn so với các bạn cùng lớp; 2/ Mắc nhiều lỗi sai khi đọc: Không đọc được đúng các từ trong bài đọc; không phân tích được từ thành từng âm và vần; thêm từ, bớt từ, thay từ, đảo từ; bỏ dòng, lặp lại dòng khi đọc; không biết ngắt hơi ở dấu phẩy và nghỉ hơi ở dấu chấm; 3/ Hiểu rất ít hoặc không hiểu nội dung bài đọc.

c) Đánh giá những khó khăn về viết

- Không viết được.

- Viết được nhưng kém hơn hẳn so với các bạn cùng lớp về: tốc độ viết, cách trình bày bài viết, số lỗi chính tả, lỗi sử dụng các dấu chấm câu và sử dụng không đúng các quy tắc ngữ pháp.

- Hạn chế trong việc hoàn thành các bài tập làm văn: sử dụng rất ít từ ngữ; từ ngữ không linh hoạt; không biết vận dụng các biện pháp để hoàn thành bài tập làm văn hiệu quả.

2.2. Một số kĩ năng đặc thù trong dạy học đọc, viết cho học sinh rối loạn học tập đặc thù

Trong nhà trường tiểu học, việc đọc, viết và tính toán vừa là nội dung học tập quan trọng, được dành phần lớn thời gian trên lớp đối với mọi trẻ em, vừa là những kĩ năng công cụ, nền tảng đảm bảo cho HS học tập các môn học khác.

Đọc có nghĩa là tiếp nhận thông tin qua chữ viết. Đọc giúp trẻ hiểu suy nghĩ và cảm nhận của người khác; có thêm những kiến thức mà chúng chưa hoặc khó có cơ hội trải nghiệm. Qua đó, trẻ lí giải và đưa ra ý kiến của riêng mình về những thông tin thu được. Viết là việc ghi chép, diễn đạt và tạo thông tin cho người khác đọc. Viết giúp chúng ta diễn tả được những suy nghĩ và những cảm nhận của bản thân cho người khác. Vì thế, đọc, viết và tính toán đóng một vai trò quan trọng vào sự thành công của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Nếu bị hạn chế trong kĩ năng này trẻ sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình học tập và sinh hoạt.

Thực tế dạy học luôn có một lượng không nhỏ HS có những hạn chế đặc biệt về khả năng đọc, viết hoặc tính toán. Đặc điểm này khiến HS khó tham gia các môn học ở trường nhất là trong hai môn Toán và Tiếng Việt. Để giúp những HS này GV cần sử dụng một số phương pháp dạy học đặc thù cho trẻ khó khăn về học sau:

2.2.1. Dạy đọc cho học sinh rối loạn hoặc tập đặc thù

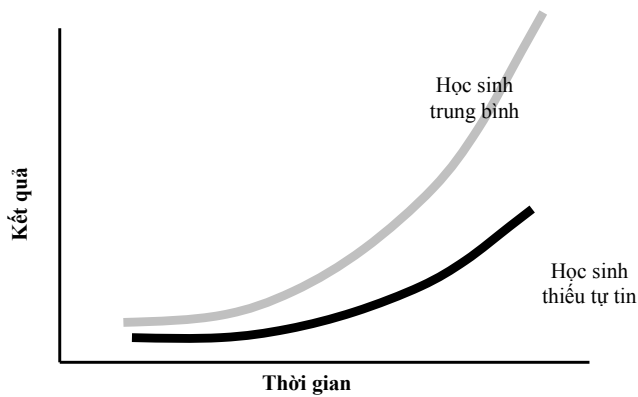
a. Quy trình dạy đọc

Quy trình dạy đọc cho trẻ khó khăn về học về nguyên tắc có 5 bước cơ bản. Tuy nhiên, không phải lúc nào và đối với bất cứ HS nào chúng ta cũng phải thực hiện tuần tự và đầy đủ tất cả các bước. Trong thực tế dạy học, các bước này cần được thực hiện một cách linh hoạt sao cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng trẻ khó khăn về học.

- Tạo niềm tin và xây dựng động cơ học đọc

Những ảnh hưởng của việc kém tự tin: Trẻ gặp những khó khăn trong học tập, dù có liên quan đến ngôn ngữ hay đọc, viết đều khiến trẻ mất tự tin vào khả năng của mình (xem Hình 1).

Đây là một vấn đề nghiêm trọng bởi vì để học tốt ở trường, HS cần phải tăng cường sự tự tin dám trải nghiệm những điều mới mẻ, thậm chí mắc sai lầm và



Vì trẻ kém tự tin và ít cố gắng, ít thực hành nên khoảng cách về kết quả học tập giữa trẻ em bình thường và trẻ em thiếu tự tin ngày càng lớn

Hình 1: Ảnh hưởng của việc kém tự tin

học được từ những sai lầm đó; đồng thời tăng cường sự tự tin để nói mạnh dạn, cho GV và các bạn trong lớp thấy những gì mình làm và chủ động tham gia vào tất cả các hoạt động của trường lớp. Nếu như việc mất tự tin khiến HS lảng tránh các hoạt động trên lớp thì dễ rơi vào vòng luẩn quẩn. HS bắt đầu gặp nhiều vướng mắc và ít thực hành, ít cố gắng hơn so với các trẻ khác. Điều này tất yếu khiến trẻ càng ngày càng mất tự tin vào chính mình và kết quả ngày càng sút kém. Vì vậy, bước đầu tiên giúp trẻ học tập hiệu quả là tạo niềm tin và động cơ học tập. GV cần thực hiện bước này như sau:

+ Giúp HS nhận biết mọi hoạt động trong cuộc sống hàng ngày đều đòi hỏi đến khả năng biết đọc (đọc thông báo, đọc bản hướng dẫn sử dụng trên các sản phẩm...);

+ Tổ chức cho HS gặp gỡ, trao đổi với một số bạn đọc tốt để thấy việc đọc không phải là quá khó hoặc không thể thực hiện được;

+ Tạo cơ hội cho trẻ thành công ngay lần đọc đầu tiên bằng cách lựa chọn bài đọc phù hợp với khả năng hiện tại của HS.

- *Xác định điểm mạnh và khó khăn khi đọc:* Để hoạt động dạy đọc phù hợp với HS, việc xác định đúng khả năng và nhu cầu học đọc là rất quan trọng. Bước này được thực hiện như sau:

+ Xây dựng hệ thống nhiệm vụ đọc từ đơn giản đến phức tạp (nhận biết các âm, vần, ghép âm thành vần; ghép âm vần thành tiếng, đọc trơn từ, đọc trơn ngữ, đọc và giải nghĩa đoạn văn...).

+ Yêu cầu HS thực hiện từ nhiệm vụ đơn giản đến phức tạp.

+ Quan sát trẻ đọc và ghi lại những gì HS thực hiện được, những gì HS còn gặp khó khăn.

+ Lí giải nguyên nhân những hạn chế đó bằng cách trả lời các câu hỏi sau: Tại sao HS lại chưa đọc đúng từ đó? Có bao nhiêu chữ cái trong tiếng đó mà HS đã biết trước khi đọc từ này? HS đã cố gắng đánh vần chưa? Khi gặp từ khó HS có cố gắng, tìm kiếm sự trợ giúp hay

bỏ cuộc ngay? HS có tự mình sửa lỗi không hay luôn chờ sự giúp đỡ từ người khác? HS đã sử dụng từ ngữ trong ngữ cảnh vào chưa?...

+ Xác định mức độ đọc của HS.

- *Lựa chọn nội dung, cách thức dạy đọc:* Dựa trên các đặc điểm về đọc của HS và chương trình dạy đọc cho HS cấp Tiểu học GV tiến hành lựa chọn nội dung và các cách thức tiến hành dạy đọc (bước này sẽ được trình bày cụ thể trong những hoạt động sau).

- *Lập kế hoạch dạy đọc:* Xây dựng mục tiêu, lựa chọn phương pháp và thời gian phát triển khả năng đọc cho HS rối loạn về đọc dựa trên những gì HS biết; chưa biết và cần biết. Kế hoạch dạy đọc cho HS cần được xây dựng theo mẫu sau:

STT	Mục tiêu	Phương pháp	Thời gian	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

- *Thực hiện kế hoạch dạy đọc:* Dạy HS đọc theo kế hoạch một cách linh hoạt. Ghi lại chi tiết kết quả đạt được và những điểm cần điều chỉnh sau mỗi buổi dạy làm cơ sở cho việc lập kế hoạch trong thời gian tiếp theo.

b. *Một số kĩ năng dạy đọc*

HS rối loạn về đọc học hoà nhập trong trường tiểu học cần nhận được sự hướng dẫn học đọc như tất cả các em khác. Tuy nhiên, nếu việc đọc của các em chưa có nhiều tiến bộ GV có thể lựa chọn và áp dụng thêm những kĩ năng dạy đọc sau:

- Phát hiện lỗi sai: Yêu cầu HS đọc, lắng nghe và đánh dấu những lỗi sai, lập danh sách các lỗi sai, lí giải nguyên nhân mắc lỗi, xác định thứ tự ưu tiên các lỗi cần sửa, lựa chọn bài đọc phù hợp, xác định mức độ đọc của HS.

- Điều chỉnh bài đọc có sẵn trong chương trình theo các hướng sau đây: ưu tiên đọc các câu/đoạn dễ, giảm độ dài bài đọc, tăng thời gian để hoàn thành bài đọc, sưu tầm, tập hợp các bài đọc ngoài chương trình nhưng phù hợp với khả năng và sở thích của các em, thiết kế thêm các bài đọc để củng cố các nội dung vừa học.

- Thực hành từng phần nhỏ: Chia nhiệm vụ bài đọc thành từng phần nhỏ, cho HS luyện đọc, nếu mắc lỗi hãy hướng dẫn bằng cách làm mẫu và lặp lại nhiều lần.

- Tập nói âm, vần: Thiết kế các bài tập cho nhận biết và tập nói âm, vần, làm mẫu hoạt động nói âm, vần theo các bước sau đây:

+ Cho HS quan sát mẫu chữ viết âm, vần cần tập nói.

- + GV vừa chỉ vừa đọc tiếng biểu thị âm/vần đó.
- + GV phân tích cấu tạo của tiếng/vần vừa đọc (Ví dụ: tiếng “eo” gồm có âm “e” đứng trước, âm “o” đứng sau; đánh vần là “e - o - eo” đọc là “eo”).
- + Yêu cầu HS phát âm rõ lần lượt từng chữ cái.
- + GV làm mẫu nói âm nhiều lần. Lúc đầu, với tốc độ chậm, sau đó nhanh dần. Yêu cầu trẻ bắt chước nói âm theo cho tới khi HS tự nói các âm thành tiếng.
- + Tổ chức cho HS luyện nói những âm/vần đã biết.
- + Khuyến khích HS chủ động sử dụng kỹ thuật nói âm/vần để ghép các âm/vần mới.
- + Mô hình tăng dần tốc độ nói âm.

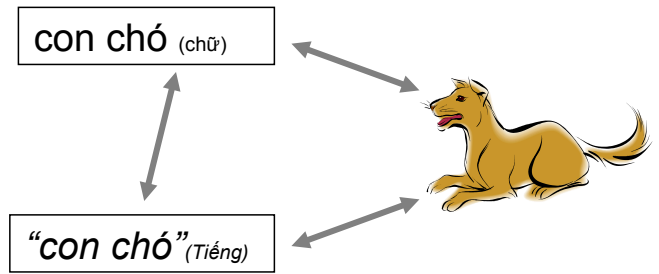
- Tăng cường khả năng đọc đúng và tốc độ đọc: Sử dụng bút chì, tận dụng những đồ vật có sẵn, để kiểm tra làm bút chì như: ngón tay trỏ, que tính, đuôi bút chì, các loại bút đã hết mực..., hướng dẫn HS sử dụng bút để chỉ vào chân các từ, và chữ cái trong lúc đọc, khuyến khích và tạo cho HS thói quen luôn dùng bút chì khi đọc.

- Với các HS ít chú ý: Cho phép trẻ đánh dấu vào các từ đang đọc. HS sẽ biết mình đang đọc đến đâu và không bị xao nhãng bởi các chữ cái khác trong bài; sử dụng bút dấu dòng; Yêu cầu trẻ đánh dấu vào những từ trẻ thấy khó đọc, đọc sai; Cho trẻ luyện đọc riêng những từ khó đó; Trình bày bài đọc với hình thức hấp dẫn; Tăng kích thước chữ; Dùng hình ảnh thay thế những từ khó đọc; Tách riêng bài đọc thành một bản riêng (khỏi sách giáo khoa); Tách mỗi câu trong bài đọc thành từng dòng riêng biệt; Sử dụng thẻ nhớ; Cùng trẻ liệt kê những từ trẻ thấy khó đọc, đọc sai; Hướng dẫn trẻ viết lại mỗi từ đó vào một thẻ nhớ; Khuyến khích trẻ sử dụng thẻ nhớ để luyện đọc từ đó; Cho phép trẻ để thẻ nhớ có từ liên quan đến bài đọc ở vị trí thuận tiện trong giờ tập đọc; GV đọc mớm; Xác định những từ đọc khó; Chủ động đọc trước từ khó để HS đọc theo từ đó mà không bị ngắt quãng bài đọc.

- Sửa lỗi sai: GV sửa lỗi; Đánh dấu những lỗi HS đọc sai; Yêu cầu HS đọc và viết lại từ đó nhiều lần; Hướng dẫn HS đọc đúng; Tổ chức luyện đọc nhiều lần; HS tự sửa lỗi; Quy ước các dấu hiệu thể hiện là HS đọc sai theo từng dạng lỗi; Sử dụng các dấu hiệu đó một cách thống nhất; Khuyến khích HS tự phát hiện lỗi sai; Hướng dẫn trẻ dùng thẻ nhớ; Khen ngợi khi HS tự sửa lỗi; Khi HS có thói quen tự sửa lỗi GV giảm dần việc sử dụng các dấu hiệu.

- Tăng cường khả năng đọc hiểu: Một số HS gặp khó khăn với các khái niệm cơ bản về kỹ năng đọc. HS không hiểu được rằng những chữ viết ra trên giấy thực sự tương đương với những tiếng của của chữ đó được đọc ra thành tiếng đồng thời cũng tương đương với một sự vật tương ứng. Vì vậy, HS cần tiếp xúc nhiều với cách tiếp cận nói các tiếng được nói ra với các chữ đó được viết ra và nghĩa của các từ đó một cách tương đương. Để qua đó, HS có thể nắm bắt được quy tắc cơ

bản nhất của việc đọc – có nghĩa là các chữ được đọc lên thành tiếng đều có nghĩa tương đương nhau và có mối liên hệ với nhau (xem Hình 2).



Hình 2: Tăng cường khả năng đọc hiểu

Trong trường hợp khác, HS không nhận ra những chữ - từ ngay trong lúc đọc và cố gắng giải quyết vấn đề này bằng cách tách từng chữ cái một thì điều đó sẽ khiến HS đọc rất chậm. Khi đó, HS thường không hiểu chúng đang đọc gì.

Ngoài ra, để giúp trẻ tăng cường kỹ năng đọc hiểu GV cần thực hiện các hoạt động sau:

- Thiết kế các dạng khác nhau cho cùng một nội dung bài đọc (bản tóm tắt, bản tường thuật, các trình bày khác...).
- Xác định và giải nghĩa của những từ, cụm từ khó cho HS trước khi vào giờ học đọc.
- Khi HS đọc, đánh dấu những từ, cụm từ dài mà HS đọc sai để sửa.
- Khuyến khích trẻ kể lại nội dung bài đọc.
- Đặt câu hỏi tìm hiểu nội dung chính của bài.
- HS sẽ học được nhiều điều từ việc tổ chức cho trả lời những câu hỏi: HS có thể trả lời bằng một vài từ.
- Hướng dẫn HS cách tìm ra ý chính và liên kết các nội dung của bài đọc.
- Mở rộng vốn từ.
- Sử dụng bảng từ.
- Xác định chữ cái/âm/vần HS vừa học.
- Lập bảng từ sử dụng chữ cái/âm/vần đó theo mẫu.
- Yêu cầu HS luyện đọc với bảng từ đó.
- Sử dụng từ điển tranh.
- Hướng dẫn phụ huynh tự tạo hoặc mua cho HS từ điển tranh (theo sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1).
- Hướng dẫn HS sử dụng cuốn từ điển đó.
- Yêu cầu HS sử dụng từ điển trong các hoạt động tập đọc.
- Khen thưởng khi HS sử dụng từ điển tranh.
- Tăng tính hấp dẫn cho hoạt động đọc.
- Tổ chức nhiều hình thức luyện đọc.
- GV đọc mẫu; HS đọc cùng với GV; HS đọc đồng thanh, HS đọc nối tiếp theo cặp; HS đọc cá nhân.
- Đọc từ khó; từng câu; từng khổ/đoạn; toàn bài.
- Trình bày bài đọc đa dạng.
- Tách từng phần (câu/đoạn) ra các phiếu riêng.

- Tăng kích thước chữ.
- Bổ sung thêm hình ảnh vào bài đọc.
- Thiết kế các bài đọc khác nhau thể hiện cùng một nội dung.

- Sử dụng nguyên bài đọc trong sách giáo khoa.
- Ghi tóm tắt nội dung thành bài đọc.
- Ghi những câu chính thành bài đọc.
- Sử dụng nhiều dạng tài liệu khác nhau mà trẻ thích: sách giáo khoa; truyện; báo nhi đồng; tranh quảng cáo; nhãn hiệu; lời bài hát...

Sử dụng phản hồi tích cực:

- Liệt kê và sử dụng những phần thưởng mà HS yêu thích.

- Đánh giá cao sự tiến bộ của HS.

- Khen ngợi ngay khi HS đọc đúng bằng các từ tích cực như “tốt” “tuyệt”, “đọc đúng rồi”... khi HS đọc tốt. Gợi ý cho trẻ xem xét lại lỗi đọc bằng cách nói: “Em xem lại đi”, “Em thấy đọc thế đã đúng chưa nhỉ?”.

- Động viên, khích lệ khi HS có biểu hiện chán nản để chúng có thể tiếp tục hoàn thành bài đọc.

- Khuyến khích HS nhận ra sự tiến bộ của bản thân:

- Cùng trẻ lập bảng theo dõi thành tích cho từng bài đọc hay tuần học.

- Hướng dẫn HS tự ghi lại kết quả đạt được để dễ dàng quan sát và nhận ra sự tiến bộ của bản thân.

- Khích lệ HS cố gắng và tự tin hơn trong các hoạt động liên quan đến việc đọc.

- Hỗ trợ cá nhân (nội dung này sẽ được đề cập sâu sắc hơn trong phần 4 của tài liệu).

- Trong giờ học: GV tìm những khoảng thời gian thích hợp để cho HS đọc riêng một mình.

- Khi các HS khác đọc thầm. GV hướng dẫn trẻ đọc.

- Khi các HS hợp tác nhóm. GV quan sát hoạt động toàn lớp đồng thời dành từ 3 - 4 phút để hướng dẫn HS rối loạn về đọc.

- Ưu tiên cho HS đọc lại các yêu cầu trong phiếu thảo luận nhóm.

- Ngoài giờ học: HS cần được dạy đọc cá nhân từ 30 - 45 phút/ngày.

- Chia làm nhiều khoảng thời gian ngắn trong ngày từ 10 - 15 phút/lần.

- Luyện đọc với riêng với GV; bạn; một người nào đó trong gia đình.

- Tập đọc với nhiều loại tài liệu mà trẻ thích: sách giáo khoa; truyện; báo nhi đồng; tranh quảng cáo; nhãn hiệu; lời bài hát...

- GV luyện đọc cho HS hàng ngày.

Trên đây là những kỹ năng dạy đọc vừa dễ thực hiện vừa hiệu quả để dạy HS có rối loạn về đọc. GV không nhất thiết phải sử dụng đủ các nhóm kỹ năng trong cùng một giờ học, mà tùy thuộc vào từng HS và từng hoạt động cụ thể để lựa chọn và áp dụng những nhóm phù hợp nhất. Trong suốt quá trình dạy HS có rối loạn về

đọc, nếu các GV thường xuyên sử dụng thì các nhóm kỹ năng này sẽ được hình thành và hoàn thiện.

2.2.2. Dạy viết cho học sinh rối loạn về viết đặc thù

a. Một số gợi ý để GV điều chỉnh hoạt động dạy viết

Xác định các chữ cái và các dấu thanh có tính tương xứng với các chữ được viết ra và các âm thanh (tiếng) được đọc lên.

HS cần ghi nhớ được mối liên hệ giữa từng chữ cái với âm thanh được đọc tương xứng, các vần và âm thanh tương trung, và mỗi dấu thanh và ngữ điệu chúng biểu tượng được coi là một kỹ năng then chốt và quan trọng trong quá trình học đọc, viết. Trước tiên, HS cần nhận thức được rằng mỗi chữ cái, mỗi vần và mỗi dấu thanh đều thực sự biểu trưng cho một âm thanh nhất định và mỗi một chữ cái khi đứng độc lập sẽ luôn được phát âm giống nhau. Kỹ năng nhớ được tất cả các mối quan hệ giữa âm thanh - chữ cái - và ngữ điệu của từ không thể được cải thiện nếu trẻ không nắm được quy luật để học đọc, viết.

Minh họa cho một bảng đặt các dấu thanh khác nhau thì đọc khác nhau và có nghĩa khác nhau:

Ga	gà	gá	gả	gạ
Thê	thề	thế	thẻ	thệ
Tho	thò	thó	thỏ	thọ

- Đọc cho HS chép sau đó yêu cầu HS nhắc lại (giúp HS sửa những lỗi thiếu âm).

- Lựa chọn bài viết phù hợp với khả năng và nhu cầu của HS: bảng chữ cái, câu, bài.

- Sử dụng bài yêu cầu khoanh tròn những từ viết đúng chính tả trong số ba hay bốn lựa chọn thay cho cách viết chính tả theo kiểu truyền thống (viết cả bài).

- Sử dụng hình vẽ để giúp HS ghi nhớ các từ khi viết.

- Dạy HS viết những từ ngắn và dễ trong từng ngữ cảnh.

- Yêu cầu HS làm thẻ nhớ hoặc đánh dấu những từ khó viết.

- Lập bảng từ khó cho riêng trẻ. Đặt bảng từ đó ở vị trí trẻ dễ quan sát để trẻ thường xuyên nhìn thấy và sử dụng khi viết chính tả.

- Dùng các trò chơi đánh vần để làm cho việc học viết trở nên hấp dẫn hơn.

- Không trách phạt khi HS viết sai. Khoanh tròn từ HS viết sai. Yêu cầu HS đọc, sửa lại cho đúng và viết lại nhiều lần từ đó.

b. Dạy HS rối loạn về viết học viết kiểu chữ in

Chữ in được viết dựa trên các nét cơ bản. Các nét cơ bản của chữ in là các nét thẳng (nét thẳng đứng, nét ngang, nét xiên phải, nét xiên trái và nét hất) và các nét cong (nét cong kín và nét cong hở phải, nét cong

hở trái). Trong những năm đầu của thập niên 80 Thế kỉ XX, kiểu chữ này được sử dụng trong nhà trường phổ thông. Ngày nay, nó chỉ được dùng để hướng dẫn cho HS ở lớp mẫu giáo lớn trong thời gian đầu làm quen với chữ viết. Thực tế dạy học cho thấy, kiểu chữ viết truyền thống với nhiều nét uốn cong, dính liền nhau thường khiến HS gặp khó khăn nhiều hơn khi viết. Nhiều HS có rối loạn về viết tỏ ra học viết theo kiểu chữ in nhanh hơn so với kiểu viết truyền thống. Để dạy cách viết này, GV có thể sử dụng các bước sau:

- HS quan sát nét hoặc chữ (từ) mẫu cần viết.
- GV đọc to tên nét chữ ấy và đánh hướng đi chuyển tay khi viết.
- HS dùng ngón tay viết lại theo mẫu trong không gian và mô tả các cử động khi viết.
- Phân tích cấu tạo của nét hoặc con chữ và từ: độ cao, độ rộng, điểm đặt bút, điểm dừng bút khi viết, khoảng cách giữa các con chữ, các từ trên một dòng.
- HS viết lại nét chữ bằng phấn vào bảng đen hoặc bằng bút vào vở. Hỗ trợ HS bằng cách chấm các chấm cơ bản để tạo nét đó cho HS nói.
- HS nhìn và chép lại nét cơ bản, con chữ hoặc từ mẫu vào vở.
- HS viết lại theo trí nhớ khi đọc hoặc nghe đọc tên nét, tên chữ hoặc từ.
- Khi viết từ, HS đánh vần và xác định cấu tạo từ gồm những con chữ nào rồi viết.

Việc hỗ trợ HS viết theo các nét chấm là rất hữu ích. Ban đầu số chấm của mỗi nét có thể nhiều và dày, sau đó giảm dần số chấm, giãn rộng khoảng cách giữa các chấm. Số lượng chấm của mỗi nét nhiều hay ít được điều chỉnh theo khả năng thực tế của từng HS. Giảm dần số chấm trong các nét, giữ lại một đến ba chấm quan trọng nhất cấu tạo nên nét. Chấm được giữ lại là điểm đặt bút, dừng bút và điểm HS thường mắc lỗi khi viết. Cuối cùng, GV bỏ hoàn toàn các chấm để HS tự viết lại được.

Có thể sử dụng các mẫu chữ mờ vào việc dạy viết. Mẫu chữ đưa ra đầu tiên nên đậm, to để HS có thể tô theo mẫu đó bằng ngón tay hoặc đầu không viết của bút chì. Dần dần, từng phần của mẫu chữ mờ đi và HS viết theo mẫu đó bằng bút chì. Chữ mẫu đó cuối cùng mất đi và HS viết chữ đó không phụ thuộc vào chữ mẫu.

HS khó khăn về viết thường thấy việc chép lại các mẫu từ khoảng cách xa (Ví dụ, các chữ và từ viết trên bảng) khó hơn là các mẫu chữ gần vì hình dáng của một nét chữ mẫu phải được truyền qua một khoảng không gian và từ các mặt phẳng khác nhau. Vì thế, khi HS bắt đầu học, GV nên viết chữ mẫu trên cùng một loại giấy mà HS đang viết và đặt trên bàn của HS.

Dạy trước các chữ có cấu tạo dễ học hơn chỉ cấu tạo hoàn toàn thẳng đứng và có nét ngang. GV cần chú ý hơn về cách viết các dạng chữ khó. Với những chữ bị đảo ngược như b, d, q, p, s, y và n. Khi dạy viết các chữ

này, GV cần nhấn mạnh vào sửa điểm bắt đầu và hướng đi của nét chữ.

Với những trẻ gặp rắc rối ở việc chia khoảng cách và định lề đối với chữ cái cách. Nhìn chung, khoảng cách lớn nhất nằm giữa các chữ có đường kẻ thẳng và khoảng cách ít nhất nằm ở các chữ có hình vòng. Khoảng cách giữa các từ tương đương với kích thước một đầu ngón tay trở hay một chữ thường và gấp đôi ở các câu. GV cũng dạy HS cách định lề vở, tuy nhiên, nếu một em gặp rắc rối ở vấn đề này, thì GV cần chọn loại vở có đường kẻ về bên phải cho các em đến khi khả năng viết chữ của em cải thiện được.

c. Một số gợi ý dạy HS viết tập làm văn

- Tăng cường sử dụng đồ dùng trực quan trên lớp.
- Lựa chọn nhiệm vụ phù hợp với khả năng và nhu cầu của HS rối loạn về viết bằng cách rút bớt yêu cầu và cho HS thêm thời gian để hoàn thành bài viết.
- Sử dụng nhiều hình thức kiểm tra như: giao cho HS một trang viết với những câu rời rạc; cùng HS sắp xếp các câu đó trở thành một bài tập làm văn hoàn chỉnh; tổ chức kể những câu chuyện có kết thúc mở và khuyến khích HS tưởng tượng ra kết thúc mới.
- Phát triển ý tưởng bài viết bằng nhiều hình thức hấp dẫn: thảo luận các ý chính trước khi thực hiện bài tập làm văn; cho HS xem và bình luận về một bộ phim, sau đó trình bày ý kiến trước lớp.
- Hỗ trợ HS sắp xếp lại các ý tưởng.
- Cho phép HS thể hiện bài viết bằng nhiều hình thức khác nhau như: trả lời miệng hoặc ghi âm bài làm; ghi âm các cuộc nói chuyện; sử dụng bản đồ tranh ảnh để diễn đạt thay cho bài viết ra giấy.
- Dành thời gian để HS luyện viết hàng ngày. Khuyến khích các em viết ghi chú, nhật kí riêng.

3. Kết luận

HS có rối loạn về đọc, viết đặc thù là một dạng của RLHTĐT. Nguyên nhân của khó khăn không phải do các yếu tố như khuyết tật hoặc môi trường giáo dục không phù hợp là nguyên nhân bên trong của HS, cụ thể là những khiếm khuyết của hệ thần kinh trung ương trong quá trình tiếp nhận và xử lí thông tin trong quá trình học đọc, viết. HS RLHTĐT luôn chiếm một tỉ lệ nhất định trong các trường tiểu học. Nếu không có các biện pháp, kĩ năng dạy học đặc thù phù hợp HS không thể hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học. GV chưa được trang bị những kiến thức, kĩ năng cơ bản về dạy học và hỗ trợ đối tượng HS trên. Vì vậy, việc cần làm hiện nay là phải đánh giá được đúng đối tượng HS có rối loạn đọc, viết đặc thù; phải xây dựng được chương trình, tài liệu tập huấn GV và tổ chức bồi dưỡng GV phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục giáo dục tiểu học nói chung đảm bảo thực hiện mục tiêu của chương trình giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- [1] Joan M. Harwell, (2001), *Learning disabilities handbook*, The center for Applied research in education 2001.
- [2] Janette K. Klingner, Sharon Vaughn, and Alison Boardman, (2007), *Teaching Reading Comprehension to Student with Learning difficulties*, The Guilford Press.
- [3] Nancy Mather & Sam Goldstein, (2001), *Learning Disabilities and Challenging Behavior*, Paul H. Brookes Publishing Co.
- [4] Peter Westwood, (2004), *Teaching and Learning Difficulties* (Cross - curricular perspectives), Acer.
- [5] Peter Westwood, (2004), *Learning and Learning Difficulties*, A handbook for teachers, Acer.

SOME SKILLS IN TEACHING READING AND WRITING FOR STUDENTS WITH SPECIFIC LEARNING DISORDERS

Pham Minh Muc

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam
Email: mucpm@vnies.edu.vn

ABSTRACT: *A comprehensive review of international and domestic research shows that there is always a part of students who have disorders in the process of learning to read, write and calculate. These difficulties are not caused by any form of disability such as intellectual disability, visual or hearing impairment, and the living and learning environment. These are students with “specific learning disorders”. The difficulties the children may encounter are due to their internal causes, including: psychological processes related to the use of language, brain trauma, minimal impairment of brain function, or the “phase difference” in receiving and processing information. Unless these students have the right supports, they will face many difficulties in learning, and may even be six months to several years behind their friends. Therefore, educators need to understand the difficulties encountered by the children and have specific teaching methods and skills to support the students to complete their learning tasks.*

KEYWORDS: *Specific learning disorder, specific reading and writing skills.*